

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 02 năm 2019

DANH SÁCH ĐIỂM THI

PHẦN II: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VÀ LỊCH SỬ ĐẢNG
CỘNG SẢN VIỆT NAM

LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 7, TẠI ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Đặng Văn Chiến	1	74	7.5	Bảy rưỡi	
2	Nguyễn Đức Chuyên	2	09	8.0	Tám	
3	Vũ Mạnh Cường	3	61	6.5	Sáu rưỡi	
4	Vũ Thị Phương Dung	4	59	7.0	Bảy	
5	Phan Hùng Dũng	5	63	7.0	Bảy	
6	Phạm Bá Định	6	77	7.0	Bảy	
7	Nguyễn Anh Đức	7	73	6.5	Sáu rưỡi	
8	Dương Thị Thu Giang	8	25	8.0	Tám	
9	Đỗ Thị Thu Hà	9	50	7.0	Bảy	
10	Lê Hồng Hà	10	86	7.5	Bảy rưỡi	
11	Trương Thúy Hà	11	53	7.0	Bảy	
12	Tạ Thị Hà	12	89	8.0	Tám	
13	Nguyễn Mạnh Hải	13	80	6.5	Sáu rưỡi	
14	Nguyễn Thị Thanh Hải	14	38	7.0	Bảy	
15	Nguyễn Thị Thu Hằng	15	57	7.0	Bảy	
16	Ngô Thị Hằng	16	04	7.0	Bảy	
17	Bùi Lan Hạnh	17	39	7.0	Bảy	
18	Phạm Thị Hạnh	18	21	7.0	Bảy	
19	Phạm Thị Diệu Hạnh	19	68	7.0	Bảy	
20	Trần Thu Hậu	20	02	7.5	Bảy rưỡi	
21	Nguyễn Thu Hiền	21	22	7.0	Bảy	
22	Nguyễn Thiên Hiệp	22	12	7.0	Bảy	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
23	Hoàng Thị Hoa	23	35	8.0	Tám	
24	Vũ Thị Mai Hoa	24	45	7.5	Bảy rưỡi	
25	Nguyễn Thị Thu Hòa	25	06	7.5	Bảy rưỡi	
26	Trịnh Công Hùng	26	83	7.0	Bảy	
27	Trịnh Quang Hùng	27	60	6.0	Sáu	
28	Hoàng Thị Hương	28	14	7.0	Bảy	
29	Phan Quang Huy	29	85	7.0	Bảy	
30	Trần Quang Huy	30	40	7.0	Bảy	
31	Nguyễn Thị Diệu Huyền	31	33	8.0	Tám	
32	Lương Thị Thu Huyền	32	17	8.0	Tám	
33	Phùng Thị Thu Huyền	33	11	7.5	Bảy rưỡi	
34	Lưu Thị Minh Khanh	34	69	7.0	Bảy	
35	Nguyễn Trung Kiên	35	78	7.0	Bảy	
36	Lý Phương Lan	36	15	7.0	Bảy	
37	Nguyễn Thị Hải Lanh	37	41	7.0	Bảy	
38	Dương Thị Kim Lê	38	28	7.5	Bảy rưỡi	
39	Dương Thị Lệ	39	81	7.0	Bảy	
40	Nguyễn Thị Bích Lệ	40	58	6.5	Sáu rưỡi	
41	Hoàng Thị Lịch	41	51	7.0	Bảy	
42	Nguyễn Thị Liên	42	90	7.5	Bảy rưỡi	
43	Phạm Thị Liên	43	26	7.5	Bảy rưỡi	
44	Nguyễn Thị Thùy Linh	44	65	7.0	Bảy	
45	Hà Thị Mai Loan	45	82	7.0	Bảy	
46	Đỗ Thị Loan (A)-1986	46	52	7.0	Bảy	
47	Đỗ Thị Loan (B)-1978	47	56	7.5	Bảy rưỡi	
48	Hoàng Xuân Lộc	48	47	7.0	Bảy	
49	Đỗ Thị Hồng Luyến	49	27	7.0	Bảy	
50	Lô Thị Luyến	50	29	7.0	Bảy	
51	Đặng Thị Ngọc Mai	51	79	7.0	Bảy	
52	Hoàng Thị Nga	52	87	7.5	Bảy rưỡi	
53	Trần Nghị	53	76	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
54	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	54	75	6.5	Sáu rưỡi	
55	Lý Thị Minh Nguyệt	55	43	7.5	Bảy rưỡi	
56	Bùi Thị Bích Phương	56	55	8.0	Tám	
57	Ngô Thị Minh Phượng	57	18	8.0	Tám	
58	Phạm Thanh Quyết	58	71	7.0	Bảy	
59	Hoàng Thị Thu Quỳnh	59	54	7.0	Bảy	
60	Phạm Ngọc Sơn	60	23	7.0	Bảy	
61	Trần Anh Sơn	61	03	6.5	Sáu rưỡi	
62	Lương Thị Thanh Tâm	62	05	8.0	Tám	
63	Lê Hồng Thái	63	37	7.0	Bảy	
64	Dương Quang Thâm	64	19	6.5	Sáu rưỡi	
65	Lê Thị Thanh	65	67	7.5	Bảy rưỡi	
66	Vũ Thị The	66	42	7.0	Bảy	
67	Dương Thị Minh Thu	67	36	8.0	Tám	
68	Trang Thị Hoài Thu	68	16	7.5	Bảy rưỡi	
69	Vũ Thị Thuần	69	24	7.0	Bảy	
70	Trịnh Thị Thanh Thủy	70	34	7.5	Bảy rưỡi	
71	Mai Thanh Thùy	71	49	7.0	Bảy	
72	Phan Thị Lệ Thủy	72	66	7.0	Bảy	
73	Trương Thị Thủy	73	46	7.0	Bảy	
74	Dương Thủy Tiên	74	44	7.0	Bảy	
75	Nguyễn Ngọc Tiến	75	62	6.5	Sáu rưỡi	
76	Nguyễn Việt Tiệp	76	84	7.5	Bảy rưỡi	
77	Dương Thị Trang	77	70	7.5	Bảy rưỡi	
78	Hà Thị Thu Trang	78	48	7.0	Bảy	
79	Lê Thị Như Trang	79	13	7.5	Bảy rưỡi	
80	Nguyễn Thị Trang	80	07	7.0	Bảy	
81	Phạm Thị Thảo Trang	81	72	7.0	Bảy	
82	Lê Phi Trường	82	88	7.0	Bảy	
83	Nguyễn Thanh Tú	83	08	7.5	Bảy rưỡi	
84	Nguyễn Văn Tuấn	84	01	8.0	Tám	

cr

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
85	Lê Trung Tuyên	85	64	7.0	Bảy	
86	Nguyễn Thị Tuyết	86	10	7.5	Bảy rưỡi	
87	Hoàng Xuân Việt	87	32	7.0	Bảy	
88	Hoàng Thị Xuyên	88	31	8.0	Tám	
89	Trịnh Hải Yến	89	20	8.0	Tám	
90	Lê Thị Yến	90	30	7.5	Bảy rưỡi	

**PHÒNG ĐÀO TẠO
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Phúc Ái

**KHOA XÂY DỰNG ĐẢNG
TRƯỞNG KHOA**



Ngô Thị Hồng Nhung

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên

